

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28-9-2017

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Minh

2. Ông Nguyễn Ngọc Lâm

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đỗ Trọng Tú- Thư ký Toà án nhân dân huyện C - Tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017, về việc: “ Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị Phương Đ - sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: Khu 01, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tạm trú tại: Khu 02, xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Đức T - sinh năm 1985; cư trú tại: Khu 01, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2017 về việc xin ly hôn và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Lê Thị Phương Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn với nhau ngày 05/7/2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh T tại khu 01, xã P và làm ruộng . Quá trình chung sống, tình cảm sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không

chịu lao động, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên chơi cờ bạc. Mỗi khi chị Đ khuyên bảo thì bị anh T đánh, chửi. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Từ ngày 15/3/2016, vợ chồng đã sống ly thân, chị Đ đã về nhà bố mẹ ở khu 02, xã L, huyện H, sinh sống từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Đức T nhiều lần, mặc dù anh T vẫn có mặt tại nơi cư trú nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh không hợp tác và không có mặt, nên Tòa án không thu thập được quan điểm của anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 29/01/2012, hiện nay đang ở với chị Lê Thị Phương Đ. Nếu ly hôn, chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Đức T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị Lê Thị Phương Đ xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phương Đ được ly hôn anh Nguyễn Đức T
- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 29/01/2012 cho chị Lê Thị Phương Đ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2017 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con vì, chị Đ không yêu cầu.

- Về án phí: Chị Lê Thị Phương Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Phương Đ và anh Nguyễn Đức T bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy, vợ chồng chung sống được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không quan tâm đến vợ con, thường xuyên chơi bài bạc. và mỗi khi chị Đ khuyên giải, đều bị anh T đánh, chửi. Hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh T không thay đổi. Từ ngày 15/3/2016 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của người phụ nữ và tránh sự ràng buộc không có lợi cho cả hai bên.

2. Về con chung: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T không quan tâm, chăm sóc con. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị Đ không yêu cầu.

3. Về tài sản chung; công nợ chung; công sức: Nguyên đơn không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Phương Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phương Đ được ly hôn anh Nguyễn Đức T

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 29/01/2012 cho chị Lê Thị Phương Đ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2017 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con vì, chị Đ không yêu cầu.

Anh Nguyễn Đức T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Phương Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002647, ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Lê Thị Phương Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị Phương Đ có mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Nguyễn Đức T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho anh Thịnh hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng

